TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 9 - BẮC NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 32/2025/HNGĐ-ST
Ngày 25/9/2025
V/v Tranh chấp hôn nhân và gia đình.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9 - BẮC NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Minh Nguyệt;

Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Bá Thành và bà Vũ Thị Lan Anh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoa- Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 9 – Bắc Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 – Bắc Ninh tham gia phiên toà: Ông Lê Huy Lệ - Kiểm sát viên.

Ngày 25/9/2025, tại trụ sở, Tòa án nhân dân khu vực 9- Bắc Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 48/2025/TLST-HNGĐ ngày 04/8/2025, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 36/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 08/9/2025, giữa:

- *Nguyên đơn*: Anh Nguyễn Ngọc Q, sinh năm 1987; HKTT: Tổ dân phố Đ, phường Th, tỉnh Bắc Ninh. Có mặt.

- *Bị đơn*: Chị Nguyễn Thị X, sinh năm 1988; HKTT: Tổ dân phố Đ, phường Th, tỉnh Bắc Ninh. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, các bản khai, nguyên đơn là anh Nguyễn Ngọc Q trình bày:

Anh kết hôn với chị Nguyễn Thị X 25/9/2008 tại UBND xã S, huyện Th, tỉnh Bắc Ninh nay là UBND phường Th, tỉnh Bắc Ninh. Trước khi kết hôn hai bên có thời gian tìm hiểu nhau và tự nguyện đăng ký kết hôn. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hoà thuận, hạnh phúc tại Đ.

Mâu thuẫn vợ chồng phát sinh từ ngày 08/9/2022 vì vợ chồng bất đồng quan điểm về mọi mặt trong đời sống nên thường xuyên xô xát. Có những lần vợ chồng động chân, động tay với nhau. Bố mẹ anh biết chuyện đã khuyên can anh chị nhưng không có kết Q. Vợ chồng sống ly thân từ ngày 10/10/2022, chị X tự ý bỏ đi khỏi nhà anh. Anh đã nhiều lần khuyên chị X về đoàn tụ nhưng chị X không đồng ý. Hiện anh thấy tình cảm vợ chồng không còn, không có khả năng đoàn tụ

nên anh xin ly hôn chị X.

Về con chung: Anh xác định vợ chồng có 03 con chung là Nguyễn Ngọc A, sinh ngày 26/4/2009, Nguyễn Ngọc Kh, sinh ngày 29/10/2015 và Nguyễn Ngọc Linh Đ, sinh ngày 11/01/2020. Hiện các cháu đều khoẻ mạnh, cháu A và cháu Kh đang ở với anh. Cháu Linh Đ ở với chị X. Ly hôn anh xin tiếp tục nuôi 2 cháu A và Kh, chị X nuôi cháu Linh Đ;

Cấp dưỡng nuôi con: Anh không đề nghị toà án giải quyết.

Tài sản chung không đề nghị toà án giải quyêt.

Bị đơn là chị Nguyễn Thị X vắng mặt tại phiên toà nhưng trong quá trình giải quyết vụ án đã có lời trình bày. Chị xác định kết hôn với anh Nguyễn Ngọc Q ngày 25/9/2008 tại UBND xã S, huyện Th, tỉnh Bắc Ninh nay là UBND phường Th, tỉnh Bắc Ninh. Trước khi kết hôn hai bên có thời gian tìm hiểu nhau và tự nguyện đăng ký kết hôn. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hoà thuận, hạnh phúc tại Đ.

Mâu thuẫn vợ chồng phát sinh vì vợ chồng bất đồng quan điểm sống. Vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2023 đến nay. Khi ly thân chị về sinh sống cùng bố mẹ đẻ tại T, Hà Nội. Hiện chị thấy tỉnh cảm vợ chồng không còn, không có khả năng đoàn tụ nên anh Q xin ly hôn, chị hoàn toàn đồng ý.

Con chung: Chị xác định vợ chồng có 03 con chung là Nguyễn Ngọc A, sinh ngày 26/4/2009, Nguyễn Ngọc Kh, sinh ngày 29/10/2015 và Nguyễn Ngọc Linh Đ, sinh ngày 11/01/2020. Hiện các cháu đều khoẻ mạnh, cháu A và cháu Kh đang ở với anh Q. Cháu Linh Đ ở với chị. Ly hôn, chị xin giữ nguyên hiện trạng nuôi con như hiện nay là anh Q nuôi cháu A và cháu Kh, chị nuôi cháu Linh Đ. Mặc dù cháu An có nguyện vọng ở với chị nhưng hiện chị ốm đau, bệnh tật không thể nuôi cả 2 con, hơn nữa, chương trình giáo dục phổ thông mà cháu đang học ở Bắc Ninh khác hoàn toàn với chương trình phổ thông ở T, Hà Nội, do vậy chị không thể đưa cháu A về nuôi. Chị vẫn đề nghị để cháu An cho anh Q nuôi.

Cấp dưỡng nuôi con chị không đề nghị toà án xem xét giải quyết.

Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng không thành. Các bên đương sự giữ nguyên lời trình bày của mình.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm nghị án là đúng quy định pháp luật. Nguyên đơn tham gia phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa đã chấp hành đúng và đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Bị đơn vắng mặt tại phiên toà nhưng đã được tống đạt đầy đủ các văn bản tố tụng và có đơn xin xét xử vắng mặt. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Các Điều 9, 19, 51, 53, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình. Điều 147. Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về án phí lệ phí Tòa án; xét xử:

- Anh Nguyễn Ngọc Q được ly hôn với chị Nguyễn Thị X

- Con chung: Giao con chung là Nguyễn Ngọc A, sinh ngày 26/4/2009, Nguyễn Ngọc Kh, sinh ngày 29/10/2015 cho anh Nguyễn Ngọc Q tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Giao con chung là Nguyễn Ngọc Linh Đ, sinh ngày 11/01/2020 cho chị Nguyễn Thị X tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Sau khi ly hôn anh Q, chị X cùng có quyền đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

- Cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không đề nghị giải quyết.

- Án phí: anh Nguyễn Ngọc Q phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết Q tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn, bị đơn có hộ khẩu thường trú tại tổ dân phố Đ, phường Th, tỉnh Bắc Ninh thuộc địa bàn của Toà án nhân dân khu vực 9 – Bắc Ninh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 9 –Bắc Ninh theo quy định khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 4, nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15 ngày 27/6/2025 của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội, do đó Tòa án nhân dân khu vực 9 – Bắc Ninh thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền.

Chị Nguyễn Thị X vắng mặt tại phiên toà. Toà án đã tiến hành tống đạt những văn bản tố tụng cho chị X, chị X có đơn xin xét xử vắng mặt. Do vậy HĐXX xét xử vụ án vắng mặt chị X theo quy định tại Điều 228 BLTTDS.

[2]. Quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Ngọc Q và chị Nguyễn Thị X được UBND xã S, huyện Th, tỉnh Bắc Ninh, nay là UBND phường Th, tỉnh Bắc Ninh cho đăng ký kết hôn ngày 25/9/2008 theo đúng quy định của pháp luật nên xác định là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống giữa anh Q và chị X phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn anh Q, chị X cùng xác định là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 7 năm 2023 đến nay. Anh Q, chị X đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, không có khả năng đoàn tụ nên anh Q xin ly hôn, chị X đồng ý. Tuy nhiên, chị X vắng mặt tại phiên toà nên không xác định được quan điểm hiện tại của chị X.

Theo quy định tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 thì *vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình.*

Anh Q, chị X đã mâu thuẫn và ly thân từ nhiều năm nay nên mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, cần cho anh Q được ly hôn chị X là phù hợp.

Con chung: Anh Q, chị X cùng xác định, anh chị có 03 con chung là Nguyễn Ngọc A, sinh ngày 26/4/2009, Nguyễn Ngọc Kh, sinh ngày 29/10/2015 và Nguyễn

Ngọc Linh Đ, sinh ngày 11/01/2020. Hiện các cháu khoẻ mạnh. Cháu A, cháu Kh ở với anh Q. Cháu Linh Đ ở với chị X. Trong quá trình tố tụng giải quyết vụ án và tại phiên toà anh Q xin giữ nguyên hiện trạng nuôi con. Chị X cũng có lời trình bày giữ nguyên hiện trạng nuôi con nên cần giao cho anh Nguyễn Ngọc Q tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung là Nguyễn Ngọc A và Nguyễn Ngọc Kh. Giao con chung là Nguyễn Ngọc Linh Đ, sinh ngày 11/01/2020 cho chị Nguyễn Thị X tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung, nợ chung, các đương sự không yêu cầu nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[3]. Án phí: Anh Nguyễn Ngọc Q phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[4]. Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phát biểu về điều luật áp dụng và đường lối xử lý là phù hợp pháp luật, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 91, 144, 147, 228; 235, 266, 271 và 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 9, 19, 51, 53, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về án phí, lệ phí Tòa án, xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Ngọc Q được ly hôn chị Nguyễn Thị X.

- Con chung: Giao con chung là Nguyễn Ngọc A, sinh ngày 26/4/2009, Nguyễn Ngọc Kh, sinh ngày 29/10/2015 cho anh Nguyễn Ngọc Q tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Giao con chung là Nguyễn Ngọc Linh Đ, sinh ngày 11/01/2020 cho chị Nguyễn Thị X tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Sau khi ly hôn, anh Q, chị X cùng có quyền đi lại thăm nom con chung.

- Cấp dưỡng nuôi con: Các đương sự không đề nghị toà án giải quyết

- Tài sản chung: Các đương sự không đề nghị toà án giải quyết.

2. Án phí: Anh Nguyễn Ngọc Q phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số BLTU/24/ 0003819 ngày 04/08/2025 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Th, tỉnh Bắc Ninh, nay là phòng Thi hành án dân sự khu vực 9 – Bắc Ninh.

3. Quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 271, 273 BLTTDS: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Đương sự vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tống đạt bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- *Tòa án, VKS tỉnh Bắc Ninh;*
- *VKS và phòng THADS KV9 – Bắc Ninh;*
- *Những người tham gia tố tụng;*
- *UBND phường Th, tỉnh Bắc Ninh (KH số 34 ngày 25/8/2009)*
- *Lưu hồ sơ, Văn phòng.*

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký
Vũ Thị Minh Nguyệt